

Số: /BC-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện kiến nghị qua giám sát của
Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh trong năm 2021
(Báo cáo phục vụ kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa XIII)

Thực hiện Nghị quyết số 14/2012/NQ-HĐND ngày 20/7/2012 của HĐND tỉnh về việc thông qua báo cáo kết quả giám sát và kiến nghị qua giám sát của HĐND tỉnh; UBND tỉnh kính báo cáo kết quả thực hiện các kiến nghị qua giám sát của Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh trong năm 2021, cụ thể như sau:

Trong năm 2021, các Ban HĐND tỉnh đã tổ chức 04 Đoàn giám sát chuyên đề tại một số sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố về các nội dung, gồm: Tình hình quản lý, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2020; Tình hình thực hiện Công tác quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 – 2020; Tình hình thực hiện Chính sách cán bộ người dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh từ năm 2018-2020; Tình hình thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 – 2020.

Qua kết quả thực hiện công tác giám sát chuyên đề, các Ban HĐND tỉnh đã có Văn bản báo cáo kiến nghị UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương có liên quan xem xét giải quyết 49 nội dung kiến nghị, trong đó: Ban Kinh tế - Ngân sách 23 kiến nghị, Ban Văn hóa – Xã hội 14 kiến nghị, Ban Dân tộc 5 kiến nghị và Ban Pháp chế 9 kiến nghị. Trên cơ sở các nội dung kiến nghị của các Ban HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành và địa phương liên quan tiếp thu, rà soát, nghiên cứu tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các kiến nghị thuộc trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương mình và tham mưu, đề xuất giải quyết các kiến nghị thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

Qua kết quả tổ chức triển khai thực hiện các kiến nghị nêu trên, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo kết quả thực hiện, giải trình làm rõ đối với 31 vấn đề kiến nghị trọng tâm của các Ban HĐND tỉnh thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của UBND tỉnh và một số sở, ngành có liên quan; đối với một số kiến nghị mang tính chất thường xuyên, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện và báo cáo kết quả định kỳ cho UBND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh; riêng một số kiến nghị thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh cũng đã có Văn bản kiến nghị các cơ quan Trung ương xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

(Có Phụ lục chi tiết đính kèm)

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị qua giám sát của Thường trực HĐND tỉnh và các Ban HĐND tỉnh trong năm 2021, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành thuộc tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K3.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ QUA GIÁM SÁT CỦA
THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH VÀ CÁC BAN HĐND TỈNH NĂM 2021
(Kèm theo Báo cáo số _____/BC-UBND ngày ____/____/2022 của UBND tỉnh)

I. BÁO CÁO SỐ 134/BC-KTNS NGÀY 02/12/2021 CỦA BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH HĐND TỈNH VỀ “TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, KHAI THÁC CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2018 - 2020”.

1. Quan tâm đề nghị Trung ương hỗ trợ kinh phí và huy động các nguồn vốn hợp pháp để đầu tư xây dựng, nâng cấp sửa chữa các hồ hiện nay đã bị hư hỏng, xuống cấp.

Kết quả triển khai thực hiện:

Trong năm 2022, UBND tỉnh đã triển khai thực hiện đồng bộ, kịp thời các giải pháp nhằm ưu tiên cân đối nguồn lực và tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Trung ương để phê duyệt chủ trương đầu tư sửa chữa, nâng cấp 13 hồ chứa, gồm: Dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ (hồ Đồng Dụ, Hóc Nhạn); Dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (Hóc Mẩn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay), Dự án Bảo đảm an toàn hồ chứa tại các huyện Hoài Ân và Hoài Nhơn (Hố Chuối, Hóc Cau, Bè Né, Hóc Sim, Hóc Cau, Hóc Dài). Các dự án nêu trên có tổng mức đầu tư 212 tỷ đồng, trong đó: vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương 187 tỷ đồng, vốn ngân sách tỉnh 25 tỷ đồng; hiện nay, các đơn vị có liên quan đang hoàn thiện thực hiện hồ sơ, thủ tục có liên quan để triển khai các dự án, phấn đấu hoàn thành các công trình trong năm 2023.

Bên cạnh đó, thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của HĐND tỉnh tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025, gồm 12 hồ chứa: Đá Bàn, Giàn Tranh, Nhà Hố (huyện Phù Mỹ), Cây Điều, Hóc Hảo, Đồng Quang (huyện Hoài Ân), Hóc Thánh, Hải Nam (huyện Tây Sơn), Cây Thích, Đá Vàng (huyện Tuy Phước), Suối Cầu (huyện Vân Canh), Chánh Hùng (huyện Phù Cát), UBND tỉnh đã chỉ đạo Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai hoàn thiện hồ sơ, thủ tục và thực hiện các bước có liên quan để tổ chức thi công các công trình theo quy định. Trong các hồ chứa này, có hồ Đá Vàng (huyện Tuy Phước) nằm trong khu đất cấp cho Lữ đoàn 675. Hiện tại Lữ đoàn 675 đã cho xây dựng tường rào bảo vệ khu đất, việc ra vào, vận hành hồ chứa khó khăn; đơn vị đang san lấp lòng hồ, xây dựng các công trình quân sự trong lòng hồ. UBND tỉnh đã xem xét, chỉ đạo đưa hồ Đá Vàng ra khỏi dự án Sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa nước hư hỏng, xuống cấp giai đoạn 2021-2025 và đề nghị giao cho Bộ Quốc phòng quản lý và đầu tư sửa chữa, nâng cấp. Đối với 11 hồ chứa còn tại, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. Tổng mức đầu tư của dự án là 180 tỷ đồng; nguồn vốn thực hiện dự án từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh. Thời gian thực hiện dự án 2022-2025.

Ngoài ra, trong dự án đập dâng Hà Thanh 1 có đầu tư sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Quang Hiến, huyện Vân Canh (UBND tỉnh đã phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 04/4/2022). Công

trình sẽ khởi công vào năm 2023, nguồn vốn thực hiện dự án từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh.

2. Đề nghị các Bộ, ngành trung ương hướng dẫn việc thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng của các hồ không còn thực hiện nhiệm vụ như thiết kế ban đầu⁽¹⁾.

Kết quả triển khai thực hiện:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có một số hồ chứa không còn nhiệm vụ cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp như thiết kế ban đầu vì đã có hệ thống công trình thủy lợi khác đảm nhận hoặc nằm trong quy hoạch khu dân cư, khu du lịch... như: hồ Đèo Cạnh (xã An Trung); hồ Đập Quang (xã Mỹ Hoà); hồ Hóc Sanh (xã Cát Tân), hồ Đá Bàn (xã Cát Hải); hồ Bàu Năng (xã Bình Tân), hồ Lỗ Ôi, Hòn Gà (xã Bình Thành), Hóc Lách (xã Bình Nghi), Ông Chánh (xã Vĩnh An).

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản gửi Tổng cục Thủy lợi, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị hướng dẫn chuyển đổi mục đích sử dụng các hồ này theo quy định tại Điều 47 của Luật Thủy lợi và Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Tổng cục Thủy lợi có văn bản số 2432/TCTL-QLCT ngày 22/12/2021 về việc chuyển đổi mục đích sử dụng công trình thủy lợi. Tuy nhiên, hiện nay việc chuyển mục đích sử dụng đối với các công trình này gặp khó khăn do không có hồ sơ công trình và không xác định được nguyên giá và giá trị tài sản còn lại.

Để có cơ sở giải quyết vấn đề này, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ động phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định rà soát, đánh giá lại các công trình không còn thực hiện nhiệm vụ cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp; đồng thời, đề xuất chủ trương thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực tính toán, xác định giá trị còn lại của các công trình này, tổng hợp, tham mưu đề xuất UBND tỉnh chỉ đạo xử lý đưa ra khỏi danh mục phân loại đập, hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh.

3. Chỉ đạo bố trí kinh phí và phê duyệt dự toán cho Đề án Quản lý hạn hán trên địa bàn tỉnh.

Kết quả triển khai thực hiện:

Đề án Quản lý hạn hán tỉnh Bình Định được UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ tại Quyết định số 4512/QĐ-UBND ngày 30/10/2020. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh. Tuy nhiên, trong năm 2021 và năm 2022, do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, việc bố trí dự toán kinh phí để thực hiện lập Đề án Quản lý hạn hán tỉnh là hết sức khó khăn, UBND tỉnh đã chỉ đạo lùi thời gian thực hiện Đề án vì phải tập trung nguồn kinh phí để phòng chống dịch Covid-19 và các chính sách hỗ trợ an sinh xã hội, phòng chống dịch bệnh và một số nhiệm vụ cấp bách khác.

Hiện nay, tình hình dịch bệnh Covid-19 đã cơ bản được kiểm soát, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính rà soát, nghiên cứu bố trí nguồn vốn trong 2023 để thực hiện Đề án

(1) Gồm: Hồ Hòn Gà thuộc xã Bình Thành, huyện Tây Sơn có khu tưới được tưới thay thế từ hồ Thuận Ninh, công trình đang xuống cấp và ở trong khu quân sự thuộc Trung tâm huấn luyện quân sự quốc gia 2 hoặc các hồ không còn sử dụng sẽ bị san lấp phục vụ cho quy hoạch các khu dân cư.

hạn tỉnh nhằm chủ động kiểm soát nguồn nước trong tưới tiêu và phòng chống lụt bão, đẩy nhanh chuyển đổi số trong quản lý công trình thủy lợi và nguồn nước.

4. Xây dựng và ban hành các chính sách hỗ trợ các tổ chức thủy lợi cơ sở để các tổ chức này phát triển bền vững; các chính sách xã hội hóa trong vấn đề đầu tư hạ tầng thủy lợi, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Xây dựng và ban hành các chính sách hỗ trợ các tổ chức thủy lợi cơ sở.

Thực hiện Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh. Sau 02 năm ban hành chính sách, chưa có tổ chức, cá nhân nào được nhận hỗ trợ từ chính sách này trong việc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước. Việc này xuất phát từ một số nguyên nhân như sau:

Chưa xây dựng kế hoạch phát triển thủy lợi, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến tiết kiệm nước giai đoạn 2021-2025 làm cơ sở UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện; Nguồn ngân sách tỉnh, địa phương gặp nhiều khó khăn do phải tập trung để ứng phó với dịch Covid-19;...

Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng đề án Tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo hướng tự động hóa cho cây trồng cạn trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu chính của đề án là rà soát, đánh giá hiện trạng tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng các mô hình thiết kế mẫu tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho một số loại cây trồng cạn chủ lực của địa phương; xác định nhu cầu đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030.

Sau khi Đề án được phê duyệt, UBND tỉnh sẽ xem xét trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 17/7/2020 để quy định cụ thể về cơ cấu nguồn vốn giữa nguồn ngân sách tỉnh và ngân sách địa phương; đồng thời tranh thủ nguồn vốn phân bổ hàng năm từ các Chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

b) Tăng cường thực hiện xã hội hóa trong vấn đề đầu tư hạ tầng thủy lợi, khai thác các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Việc đầu tư xây dựng công trình thủy lợi được quy định tại Điều 15 Luật Thủy lợi. Cụ thể:

Nhà nước đầu tư xây dựng công trình thủy lợi quan trọng đặc biệt, công trình thủy lợi lớn, công trình thủy lợi khó huy động các nguồn lực xã hội, hồ chứa nước ở vùng khan hiếm nước; công trình thủy lợi kết hợp phục vụ quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai; công trình thủy lợi ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng bị ảnh hưởng lớn của biến đổi khí hậu.

Tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi có trách nhiệm đầu tư xây

dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân thực hiện đầu tư xây dựng hoặc hợp tác đầu tư xây dựng công trình thủy lợi theo hình thức đối tác công tư.

Hiện nay, UBND tỉnh đã có Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 28/7/2022). Mục đích của chính sách là khuyến khích các Tổ chức thủy lợi cơ sở và thành viên của Tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước để nâng cao trách nhiệm trong công tác quản lý và sử dụng nước có hiệu quả. Còn việc thực hiện đầu tư xây dựng hoặc hợp tác đầu tư xây dựng công trình thủy lợi theo hình thức đối tác công tư thì Trung ương và địa phương chưa quy định các chính sách hỗ trợ.

5. Rà soát, đánh giá lại năng lực, hiệu quả khai thác của các công trình thủy lợi trên địa bàn, trên cơ sở đó để đầu tư, sửa chữa nâng cấp, bảo đảm an toàn, từng bước hiện đại hóa nhằm phát huy hiệu quả công trình thủy lợi, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Kết quả triển khai thực hiện:

Toàn tỉnh hiện có 163 hồ chứa với tổng dung tích 592 triệu m³ nước (chưa bao gồm hồ Đồng Mít dung tích 90 triệu m³ nước đã tích nước và chuẩn bị bàn giao đưa vào sử dụng vào cuối năm 2022), 278 đập dâng, 268 trạm bơm và hơn 6.000 km kênh mương, kênh mương nội đồng; tổng năng lực tưới thiết kế của các công trình tưới cho hơn 130.000 ha đất gieo trồng. Thực tế hàng năm tưới được cho hơn 110.500 ha đất gieo trồng, đạt tỷ lệ 85%.

Từ năm 2015 đến nay, toàn tỉnh đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp 30 hồ chứa gồm: 16 hồ thuộc dự án WB8, 04 hồ chứa thuộc dự án Sửa chữa cấp bách, 02 hồ thuộc dự án Phát triển nông thôn Tổng hợp miền Trung, 01 hồ thuộc dự án WB5, 01 hồ thuộc Chương trình 30a, 01 hồ thuộc dự án khắc phục hậu quả thiên tai, 01 hồ thuộc Chương trình xây dựng hồ chứa nước ngọt trên đảo có đông dân cư (Nhơn Châu), 04 hồ thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng hồ Đồng Mít với dung tích 90 triệu m³ nước (dự kiến bàn giao vào cuối năm 2022); xây dựng mới đập ngăn mặn trên sông Lại Giang, đập Ba Cây, khởi công xây dựng đập dâng Phú Phong; sửa chữa, nâng cấp các đập dâng An Thuận, Nha Phu, Bình Thạnh, Đức Phổ, Lão Tâm, Phú Hoà, Tà Loan, đập Chùa, đập Cát, Mỹ Cang; xây dựng hệ thống kênh tưới Thượng Sơn, kênh chuyên nước từ đập dâng Văn Phong về sông La Tinh; sửa chữa, nâng cấp hệ thống tưới tiêu Tà Loan; xây dựng mới trạm bơm Chà Rang (xã Bình Thuận); kiên cố 1.536 km kênh mương nội đồng (chưa tính kế hoạch năm 2022 là 198 km); ngoài ra, các địa phương còn đầu tư xây dựng, sửa chữa, nâng cấp một số công trình thủy lợi nhỏ do mình quản lý.

Việc đầu tư xây dựng, sửa chữa nâng cấp các công trình đã nâng cao công tác đảm bảo an toàn hồ chứa, tham gia cắt giảm lũ cho hạ du; nâng mức đảm bảo tưới từ công trình thủy lợi kiên cố từ 78% lên 85%. Các công trình đã phát huy hiệu quả trong phòng, chống thiên tai và phục vụ sản xuất nông nghiệp nói riêng, đồng thời góp phần quan trọng trong phát triển kinh tế của tỉnh nhà. Nhờ đó trong giai đoạn này mặc dù tỉnh Bình Định chịu ảnh hưởng của nhiều đợt thiên tai nhưng chưa có công trình thủy lợi, xảy ra

sự cố nghiêm trọng.

Trong giai đoạn 2022-2025 tỉnh Bình Định sẽ tiếp tục sửa chữa nâng cấp 26 hồ chứa; xây dựng hệ thống đập dâng Hà Thanh 1, đập dâng Phú Phong (đã triển khai thi công); sửa chữa, nâng cấp hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá; xây dựng đập ngăn mặn An Mỹ; mở rộng kênh tưới Văn Phong để chuyển nước từ sông Côn về sông La Tinh, tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương, kênh mương nội đồng... mục tiêu đến năm 2025 tỷ lệ diện tích gieo trồng cây hàng năm được tưới bởi công trình thủy lợi đạt tỷ lệ 89,6%.

Trước khi cho chủ trương thực hiện đầu tư nâng cấp, sửa chữa các hồ chứa trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng tuân thủ đầy đủ, nghiêm túc việc thuê đơn vị tư vấn rà soát, đánh giá lại năng lực, hiệu quả khai thác của các công trình thủy lợi, nhất là những công trình thủy lợi đã khai thác hơn 5 năm; đồng thời thực hiện chặt chẽ các quy trình, quy định của pháp luật có liên quan để xây dựng kế hoạch đầu tư sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

6. Tổ chức đánh giá, lựa chọn các mô hình quản lý, khai thác thủy lợi hiệu quả để triển khai thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh; rà soát lại công tác quản lý hiện nay để đảm bảo mỗi công trình thủy lợi giao cho 01 đơn vị quản lý, bảo vệ, khai thác.

Kết quả triển khai thực hiện:

Hiện nay mô hình tổ chức quản lý khai thác sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh như sau: Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định được giao quản lý khai thác các công trình thủy lợi loại lớn, thực hiện theo phương thức đặt hàng; các Đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện) được giao quản lý khai thác các công trình loại vừa, thực hiện theo phương thức đặt hàng; các Tổ chức thủy lợi cơ sở được giao quản lý khai thác các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, thực hiện theo phương thức đặt hàng. Mô hình quản lý khai thác này đã nâng cao hiệu quả trong việc quản lý khai thác các công trình thủy lợi, đảm bảo các công trình thủy lợi thực hiện theo các nhiệm vụ thiết kế, thống nhất quản lý nguồn lực nhà nước đầu tư cho lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh, đảm bảo mỗi công trình thủy lợi được giao cho 01 đơn vị quản lý khai thác, bảo vệ.

7. Rà soát, có phương án cụ thể để thực hiện dứt điểm công tác bàn giao các công trình thủy lợi theo Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thực hiện Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của UBND tỉnh và Quyết định số 59/2021/QĐ-UBND ngày 30/9/2021 về phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức ban giao các công trình thủy lợi theo phân cấp, đến nay cơ bản đã hoàn thành xong việc giao nhận công trình khai thác theo kế hoạch đề ra.

8. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

Kết quả triển khai thực hiện:

Công tác kiểm tra, thanh tra nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương trong tỉnh tổ chức triển khai thực hiện kịp thời, hiệu quả và đã từng bước đi vào nề nếp. Trong thời gian đến, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục chỉ đạo Thanh tra Sở phối hợp với Chi cục Thủy lợi tăng cường tổ chức kiểm tra, thanh tra tại các đơn vị quản lý, vận hành các hồ chứa như Công ty TNHH Khai thác CTTL, các Xí nghiệp Khai thác CTTL trực thuộc Công ty về trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi; đôn đốc việc kiểm tra, lập biên bản vi phạm pháp luật, kiến nghị chính quyền địa phương xử lý kịp thời các vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

9. Chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định về đầu tư, quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Tổ chức cấm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận bảo vệ, ban hành phương án bảo vệ công trình, xử lý các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Thực hiện nghiêm các quy định về đầu tư công trình thủy lợi.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang thực hiện Dự án đảm bảo an toàn hồ chứa đầu tư trong Chương trình phục hồi và phát triển KTXH. Thủ tục đầu tư đến nay như sau:

UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 7358/UBND-KT ngày 18/11/2021 về việc hỗ trợ kinh phí để sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa thủy lợi bị hư hỏng xuống cấp, mất an toàn trên địa bàn tỉnh Bình Định. Theo đó, đề nghị 17 hồ, kinh phí 250 tỷ đồng. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 725/BKHDT-TH ngày 30/01/2022 về việc đôn đốc rà soát, tổng hợp danh mục dự án dự kiến bố trí từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển KTXH. Theo đó, danh mục dự án bố trí 13 hồ, kinh phí 187 tỷ đồng.

UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư: (i) số 2190/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 điều chỉnh, bổ sung Dự án: Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Đông Bắc huyện Phù Mỹ (hồ Đồng Dụ, Hóc Nhạn); (ii) số 2191/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 điều chỉnh, bổ sung Dự án: Bảo đảm an toàn hồ chứa phía Nam huyện Phù Mỹ và huyện Phù Cát (Hóc Mẫn, Hóc Xoài, Dốc Đá, Suối Sỏ, Suối Chay); (iii) số 2189/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 điều chỉnh, bổ sung Dự án: Bảo đảm an toàn hồ chứa tại các huyện Hoài Ân và Hoài Nhơn (Hồ Chuôi, Hóc Cau, Bè Né, Hóc Sim, Hóc Cau, Hóc Dài).

Dự án do Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư, hiện nay đang thực hiện đến giai đoạn thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở; dự kiến sẽ triển khai các công trình vào đầu năm 2023.

b) Chỉ đạo tổ chức cấm mốc chỉ giới phạm vi vùng phụ cận bảo vệ, ban hành phương án bảo vệ công trình, xử lý các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

Nội dung này, UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định khẩn trương phối hợp với các đơn vị liên quan xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ, trình cấp thẩm quyền ra quyết định; cấm mốc giới xác định hành lang bảo vệ an toàn các công trình thủy lợi. Đến nay, Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định đã thực hiện cấm được 13/62 hồ tại biên phụ cận phía hạ lưu đập. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục triển

khai thực hiện từng bước cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập, hồ chứa. Lộ trình thực hiện từ năm 2022 - 2025. Đồng thời, chủ động phối hợp với chính quyền địa phương tiến hành lập biên bản vi phạm, tạm dừng hoạt động các hành vi xâm lấn, xây dựng làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, xả thải vào công trình thủy lợi... khi chưa được cho phép và chuyển cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.

10. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị có liên quan hướng dẫn cụ thể việc xác định điểm tiếp nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi; hoàn thành việc bàn giao các công trình thủy lợi theo kế hoạch của tỉnh.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Đối với các điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi giữa Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định và Tổ chức thủy lợi cơ sở:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố hợp và thống nhất phương pháp xác định vị trí điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi và đã có Văn bản số 1216/SNN-TL ngày 11/6/2021 hướng dẫn các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện.

Đến nay, UBND tỉnh đã phê duyệt 04 đợt điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi giữa Công ty và các Tổ chức thủy lợi cơ sở ở 47 hệ thống hồ chứa (Các hồ chứa mới bàn giao từ địa phương về cho Công ty quản lý khai thác) với tổng số điểm là 702 điểm. Năm 2022, UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh bổ sung 97 điểm với 07 Tổ chức thủy lợi cơ sở ở các hồ Sông Vồ, Phú Thuận, Thạch Khê, Mỹ Thuận để phù hợp với thực tế, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện.

Hiện nay, Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định đang tiếp tục làm việc với các Tổ chức thủy lợi cơ sở để xác định bổ sung các điểm giao nhận giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi các công trình mới nhận và cập nhật bổ sung tọa độ VN2000 hơn 3.600 điểm giao nhận giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi đã được phê duyệt tại Quyết định số 2970/QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của UBND tỉnh; dự kiến sẽ hoàn thành trong năm 2022.

b) Đối với điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi ở các công trình thủy lợi đã phân cấp cho cấp huyện quản lý:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản đề nghị các địa phương xác định và phê duyệt điểm giao nhận sản phẩm dịch vụ thủy lợi ở các công trình thủy lợi do mình quản lý. Đến nay, các địa phương đã triển khai thực hiện và phê duyệt gồm: thành phố Quy Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, huyện Tây Sơn, Tuy Phước, Phù Mỹ, Hoài Ân; các địa phương đang triển khai thực hiện gồm: huyện An Lão, Phù Cát, Vân Canh, Vĩnh Thạnh, thị xã An Nhơn.

11. Xây dựng kế hoạch hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ công trình, đặc biệt phải thực hiện các giải pháp đảm bảo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi nhằm đảm bảo sức khỏe của người dân cũng như phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh.

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Về bảo vệ công trình thủy lợi:

Căn cứ Luật Thủy lợi 2017, Luật Thanh tra 2010 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động phối hợp với Sở Tư pháp thẩm định Quy chế phối hợp trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều trên địa bàn tỉnh. Quy chế này quy định cụ thể trách nhiệm các cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương trong công tác phòng ngừa, xử lý vi phạm pháp luật. UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tăng cường thực hiện kiểm tra, thanh tra các tổ chức khai thác công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền quản lý của Sở để đôn đốc việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ công trình thủy lợi của các tổ chức này.

b) Về đảm bảo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi:

Hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thực hiện giấy phép xả nước thải vào hệ thống kênh mương theo kế hoạch đã được phê duyệt. Việc xả nước thải vào hệ thống kênh mương phải được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 13, 23 Nghị định 67/NĐ-CP ngày 14/5/2018 về điều kiện cấp phép, kiểm tra chất lượng nước thải sau khi xử lý đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước trước khi xả thải vào công trình thủy lợi bảo đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp, dân sinh.

UBND tỉnh đã và đang chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục chỉ đạo Công ty TNHH Khai thác CTTL thường xuyên kiểm tra, phát hiện các vi phạm về xả thải vào nguồn nước công trình thủy lợi, kiến nghị chính quyền địa phương xử lý kịp thời để hạn chế ô nhiễm nguồn nước do xả thải. Giải pháp về lâu dài phải xây dựng các công trình thu gom tập trung nước xả thải sinh hoạt, nước xả thải chăn nuôi của các hộ dân sống ở gần hệ thống kênh mương, công trình thủy lợi để tránh xả thải trực tiếp vào công trình thủy lợi; đồng thời cần có sự vào cuộc quyết liệt của chính quyền cấp cơ sở trong công tác tuyên truyền và xử lý các vi phạm xả thải vào nguồn nước.

12. Chỉ đạo việc kiện toàn, sắp xếp lại các tổ chức, đơn vị khai thác công trình thủy lợi, bảo đảm đầu mối tinh giản, bộ máy tổ chức gọn nhẹ, hiệu quả; đổi mới trong công tác quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác công trình thủy lợi.

Kết quả triển khai thực hiện:

Tổ chức quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hiện nay gồm: Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định là chủ thể khai thác các công trình thủy lợi loại lớn thuộc UBND tỉnh làm chủ sở hữu; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp huyện được giao làm chủ thể khai thác các công trình loại vừa thuộc UBND cấp huyện làm chủ sở hữu; các Tổ chức thủy lợi cơ sở được giao quản lý, khai thác các công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng.

Hiện nay, chỉ có Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định là cơ bản đáp ứng được yêu cầu về năng lực quản lý khai thác theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ. Các đơn vị, tổ chức còn lại chưa đáp ứng được yêu cầu. Để củng cố, kiện toàn lại các đơn vị quản lý khai thác ở các địa phương, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Văn bản hướng dẫn việc thành lập, củng cố Tổ chức thủy lợi cơ sở. Đến nay đã có 05 địa phương thực hiện củng cố, kiện toàn Tổ chức thủy lợi cơ sở: Hoài Ân, Hoài Nhơn, Quy Nhơn, Phù Mỹ, Tuy Phước, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh. Trong thời gian tới Sở Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn tiếp tục phối hợp với các địa phương còn lại củng cố, kiện toàn Tổ chức thủy lợi cơ sở theo quy định.

13. Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở các lớp tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực, nhận thức cho cán bộ, công nhân khai thác công trình thủy lợi, người của các tổ chức thủy lợi cơ sở, đặc biệt là văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, quy trình kỹ thuật mới trong công tác thủy lợi. Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nâng cao nhận thức người dân trong quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Kết quả triển khai thực hiện:

Vấn đề này, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường công tác công tác thông tin, truyền thông những nội dung cơ bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thủy lợi, trọng tâm là những hoạt động vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi để nâng cao nhận thức cho người dân trong quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi. Tăng cường công tác quản lý, điều tiết nguồn nước; tiếp tục thực hiện kiên cố hoá kênh mương, kênh mương nội đồng; triển khai thực hiện Đề án tưới tiên tiến tiết kiệm nước trên cây trồng cạn để hướng tới sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức lớp tập huấn về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước từ nguồn kinh phí an toàn đập do ngân sách tỉnh cấp hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; đối tượng tham gia là thành viên của Tổ chức thủy lợi cơ sở đang trực tiếp quản lý vận hành công trình. Đồng thời yêu cầu Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý, vận hành cho số cán bộ kỹ thuật và công nhân trực tiếp quản lý, vận hành các công trình của Công ty.

14. Chỉ đạo Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi tập trung nhân lực khẩn trương rà soát, xác định các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi do đơn vị cung cấp, hoàn thiện phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ quy định về giá sản phẩm dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, trong đó đẩy mạnh việc tăng nguồn thu từ các sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác để bù phần thiếu hụt do cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi, bảo đảm nguồn tài chính bền vững cho đơn vị.

Kết quả triển khai thực hiện:

Vấn đề Phương án giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác năm 2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn căn cứ ý kiến của Bộ Tài chính tại Văn bản số 7957/BTC-QLG ngày 10/8/2022 về việc triển khai việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022. Trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2022 cho 03 Công ty trực thuộc Bộ theo khoản 3, Điều 10, Nghị định số 96/2018/NĐ-CP của Chính phủ, và ban hành giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022 bằng mức giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 đã được phê duyệt. Hiện nay, UBND tỉnh đang hoàn thiện hồ sơ trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 9 để xem xét ban hành Nghị quyết Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm

2022 trên địa bàn tỉnh bằng mức giá như năm 2021 theo Nghị quyết số 26/2021/NQ-HĐND ngày 11/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

II. BÁO CÁO SỐ 49/BC-VHXH NGÀY 02/12/2021 CỦA VĂN HÓA – XÃ HỘI HĐND TỈNH VỀ “TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI LĨNH VỰC THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, GIAI ĐOẠN 2018 - 2020”.

1. Chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của tỉnh.

Kết quả triển khai thực hiện:

UBND tỉnh đã tham mưu Ban cán sự UBND tỉnh trình Ban Thường vụ tỉnh ủy thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định; ban hành Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Bình Định.

UBND tỉnh cũng đã ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án lĩnh vực thông tin và truyền thông, cụ thể:

Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 25/4/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 05-NQ/TU ngày 20/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khoá XX) về chuyển đổi số tỉnh Bình Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 04/4/2022 về chuyển đổi số tỉnh Bình Định năm 2022; Quyết định số 5360/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 Phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định (phiên bản 2.0); Quyết định số 5151/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của ban hành Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bình Định phiên bản 1.0; Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch truyền thông công tác cải cách hành chính năm 2022; Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 04/5/2022 về việc Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 11/5/2022 Chuyển đổi số trên lĩnh vực Thông tin và Truyền thông năm 2022 và Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 27/5/2022 về triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng theo “Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ”; Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh Bình Định; Quyết định số 51/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác dữ liệu trên Hệ thống dữ liệu mở tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh về triển khai nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch số 127/KH-UBND ngày 17/09/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định; Kế hoạch 138/KH-UBND ngày 18/10/2022 Triển khai Chương trình thúc đẩy phát triển và sử dụng các nền tảng số quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Ban hành các quy định, quy chế về sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông; quy định, quy chế ngầm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi; Quy hoạch phát triển công nghệ thông tin - truyền thông gắn với Quy hoạch chung của tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Kết quả triển khai thực hiện:

Vấn đề này, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày

17/01/2018 về Quy định về xây dựng và sử dụng chung hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Từ năm 2016 cho đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Công ty Điện lực Bình Định và các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn thực hiện chỉnh trang cáp viễn thông, truyền hình trên địa bàn tỉnh 201,074 Km tuyến cáp (đến hết năm 2021). Trong năm 2022, đang thực hiện chỉnh trang với khối lượng khoảng 73 Km tuyến cáp trải đều khắp các huyện thành phố trong tỉnh. Ngoài ra, để thực hiện thí điểm xã Nhơn Lý thành xã điểm Chuyển đổi số, Sở Thông tin và Truyền thông đã phối hợp với Công ty Điện lực và các doanh nghiệp viễn thông, truyền hình trên địa bàn tỉnh tập trung chỉnh trang, sắp xếp cáp viễn thông, truyền hình trên địa bàn xã Nhơn Lý, TP. Quy Nhơn, với 05 tuyến chính cần chỉnh trang, sắp xếp, tổng khối lượng 2,9 Km.

Bên cạnh đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đưa Quy hoạch ngành Thông tin và Truyền thông vào Quy hoạch tổng thể tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, để trình báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp thứ 9 vào cuối năm 2022.

3. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao thông qua hệ thống thư viện tăng cường tiếp nhận các nguồn sách, báo để luân chuyên phục vụ hoạt động đọc sách, báo tại các điểm Bưu điện Văn hóa xã nhằm đảm bảo thực hiện tốt 02 mục tiêu là đẩy mạnh kinh doanh có hiệu quả và thực hiện mục tiêu chính trị, xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của người dân nông thôn.

Kết quả triển khai thực hiện:

Nhằm phát huy hiệu quả nguồn lực hiện có của hai ngành Bưu điện và Thư viện, tăng cường tổ chức các hoạt động phục vụ sách, báo tại các điểm Bưu điện văn hóa xã, phát triển Bưu điện văn hóa xã trở thành điểm cung cấp thông tin, đáp ứng tốt nhất nhu cầu thông tin, văn hóa và giải trí của cộng đồng, góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của người dân ở vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, thiết thực phục vụ chương trình xây dựng nông thôn mới của Chính phủ. Sở Văn hoá và Thể thao cấp cho các điểm Bưu điện Văn hoá xã trên địa bàn tỉnh Tạp chí Văn hoá Bình Định, số lượng: 150 cuốn/kỳ, 02 kỳ/năm.

Bên cạnh đó, Bộ Văn hóa và Thể thao thông qua hệ thống Bưu điện Việt Nam tặng Báo Văn hoá cho các điểm Bưu điện Văn hoá xã trên địa bàn tỉnh, số lượng: 84 tờ/kỳ, 04 kỳ/tháng; Sở Khoa học & Công nghệ Bình Định cấp Bản tin Khoa học và Công nghệ cho các điểm Bưu điện Văn hoá xã trên địa bàn tỉnh, số lượng: 375 cuốn/kỳ, 01 kỳ/tháng. Bưu điện tỉnh đã trang bị cơ bản đầy đủ trang thiết bị phục vụ bạn đọc tại các điểm Bưu điện văn hóa xã.

4. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực ứng dụng công nghệ thông tin gắn với an toàn an ninh thông tin, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số; đồng thời có kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng lực lượng làm công tác truyền thông, truyền thanh xã để xây dựng Đài Truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

Kết quả triển khai thực hiện:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 19/10/2021 về Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, phổ biến kiến thức và đào tạo nguồn nhân lực an toàn thông

tin, giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và Kế hoạch số 67/KH-UBND ngày 04/5/2022 về việc Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Hàng năm, Sở Thông tin và Truyền thông đều bố trí kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh cho cán bộ, công chức trong kế hoạch xây dựng chính quyền điện tử của tỉnh.

5. Tăng cường chỉ đạo thanh tra, kiểm tra liên ngành và chuyên ngành để xử lý các vi phạm trong việc chấp hành các quy định về thông tin, truyền thông, nhất là lĩnh vực quản lý viễn thông di động (thuê bao di động, internet, game online...), hoạt động in, phát hành xuất bản phẩm, hạ tầng viễn thông thụ động và thanh tra xử lý các thông tin vi phạm trên mạng xã hội, như: đăng tải thông tin giả, sai sự thật...

Kết quả triển khai thực hiện:

Về nội dung này, trong năm 2022, Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai 15 cuộc thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực viễn thông, thuê bao di động trả trước, trang thông tin điện tử và trang thông tin điện tử tổng hợp, văn phòng đại diện và phóng viên thường trú cơ quan báo chí, tần số vô tuyến điện, hoạt động bưu chính, in và phát hành. Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra như sau:

- Thanh tra về quản lý thuê bao di động trả trước đối với 03 doanh nghiệp viễn thông đã có các khuyết điểm, hạn chế trong việc triển khai điểm cung cấp dịch vụ viễn thông, việc cập nhật thông tin lên cơ sở dữ liệu tập trung của doanh nghiệp và thực hiện giao kết hợp đồng theo mẫu điều kiện giao dịch chung chưa đúng quy định hiện hành.

- Triển khai 07 cuộc kiểm tra, thanh tra về tần số vô tuyến điện đối với 13 tổ chức, cá nhân sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện dây chưa có giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện; sử dụng tần số không đúng tần số quy định trong giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện.

- Kiểm tra tại 04 tổ chức có thiết lập, quản lý và sử dụng trang thông tin điện tử, trang thông tin điện tử tổng hợp; theo đó các trang chưa tiến hành làm thủ tục xin cấp phép thiết lập trang khi giấy phép đã hết hiệu lực; còn tồn tại nhiều hạn chế trong cung cấp thông tin trên các trang thông tin điện tử.

- Thanh tra việc chấp hành quy định pháp luật đối với Văn phòng đại diện (VPĐD) và phóng viên thường trú cơ quan báo chí đối với 03 đơn vị; các đơn vị cơ bản chấp hành tốt quy định pháp luật đối với VPĐD cơ quan báo chí theo quy định nhưng còn một số tồn tại như chưa thực hiện quản lý và lưu giữ sơ yếu lý lịch của Phóng viên thường trú, Thẻ nhà báo hết hạn nhưng chưa thiện hiện thủ tục hồ sơ cấp đổi thẻ nhà báo theo quy định; việc thay đổi về Giấy phép hoạt động báo chí và thẻ nhà báo của phóng viên thường trú chưa thông báo theo quy định.

- Kiểm tra hoạt động in phát hành xuất bản phẩm đối với 15 tổ chức, cá nhân hoạt động in, phát hành. Qua đó, các đơn vị kiểm tra có thực hiện in nhưng chưa đăng ký hoạt động cơ sở in với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động in; thực hiện in nhưng chưa có Phiếu đặt in, chưa có Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh do cơ quan quản lý nhà nước cấp,...

- Thanh tra về hoạt động cung ứng và sử dụng dịch vụ bưu chính đối với 05 tổ chức. Qua đó, các đơn vị thực hiện chưa đúng chỉ tiêu thời gian toàn trình (đối với một số trường hợp khách hàng) mà doanh nghiệp đã ban hành, công bố; thực hiện chưa đảm bảo an toàn trong cung ứng dịch vụ bưu chính, một số bưu kiện chưa được gói bọc cẩn thận, bị rách; chưa thực hiện kiểm định định kỳ đối với phương tiện cân đo bưu chính trước khi đưa vào sử dụng; thực hiện tính và thu cước không đúng với giá cước dịch vụ bưu chính (đối với 01 số trường hợp khách hàng) doanh nghiệp đã ban hành và công bố; không thể hiện đầy đủ thông tin về nội dung gói kiện hàng hóa, ngày phát thành công đối với một số chứng từ xác nhận việc chấp nhận bưu gửi; Chưa ban hành quy trình xử lý bưu gửi không có người nhận; thực hiện giải quyết khiếu nại, bồi thường thiệt hại (đối với một số trường hợp khách hàng) chưa đúng theo quy trình giải quyết đã ban hành, công bố.

Việc xử lý các khuyết điểm, tồn tại hạn chế được đoàn thanh tra yêu cầu các tổ chức, cá nhân nghiêm túc khắc phục các khuyết điểm, hạn chế, tiến hành cảnh cáo, nhắc nhở đối với các tổ chức nêu trên; ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 01 tổ chức thuộc lĩnh vực tần số vô tuyến điện với số tiền phạt 7.500.000 đồng.

Hiện Sở Thông tin và Truyền thông đang tiến hành kiểm tra hoạt động in, phát hành xuất bản phẩm, lịch blocc 2023; phối hợp lực lượng công an kiểm tra, xác minh đối với trang thông tin điện tử tại tên miền tcgpl.gov.vn, giả mạo trang thông tin điện tử giấy phép lái xe do Tổng cục Đường bộ Việt Nam quản lý theo yêu cầu của Cục Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử.

6. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các ngành liên quan tăng cường hướng dẫn, đề nghị các phương tiện nghề cá làm thủ tục cấp giấy phép tần số cho thiết bị vô tuyến điện đặt trên phương tiện để đảm bảo đúng quy định.

Kết quả triển khai thực hiện:

Tiếp thu kiến nghị của Ban Văn hóa – Thể thao, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông chủ động phối hợp với Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực III và UBND cấp huyện ven biển và các đơn vị liên quan hướng dẫn, cấp Giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện qua vệ tinh cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá trên địa bàn tỉnh. Tính đến nay, toàn tỉnh đã cấp được 3.200 giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện qua vệ tinh cho thiết bị giám sát hành trình tàu cá.

7. Chỉ đạo Sở Thông tin và Truyền thông hỗ trợ các sở, ban, ngành tỉnh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính, góp phần tiếp tục thực hiện hiện đại hóa hành chính, tăng chỉ số cải cách hành chính của tỉnh hàng năm.

Kết quả triển khai thực hiện:

- Kết quả triển khai các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước đạt được kết quả cụ thể như sau:

+ Hoàn thành việc chuyển đổi IPv6 cho 100% Cổng/trang thông tin điện tử các sở, ban, ngành và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

+ Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II của tỉnh được triển khai, kết nối đến 48 cơ quan, đơn vị là các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố; đã kết nối trực tiếp đến mạng TSLCD cấp I do Cục Bưu điện Trung ương quản lý. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông (VNPT, Viettel) triển khai Mạng TSLCD cấp II đến 159/159 xã, phường, thị trấn.

+ Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) đã kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP), phục vụ nhu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

+ Hệ thống Hội nghị truyền hình của tỉnh và huyện đã kết nối liên thông phục vụ các phiên họp 4 cấp từ Trung ương đến cấp xã.

+ Hệ thống xác thực người dùng tập trung của tỉnh đã được đưa vào vận hành tại địa chỉ: <https://egov.binhding.gov.vn>.

+ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã thông suốt 4 cấp chính quyền; thực hiện gửi, nhận văn bản điện tử qua hệ thống văn phòng điện tử, sử dụng chữ ký số chuyên dùng².

+ 100% cơ quan nhà nước và 100% CBCCVC cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được cấp tài khoản thư điện tử công vụ tỉnh để thực hiện trao đổi công việc, gửi nhận văn bản điện tử.

+ Về hoạt động Trung tâm Giám sát đô thị thông minh (IOC) được giám sát thường xuyên, quản lý và theo dõi 08 dịch vụ (gồm: Dịch vụ giám sát an toàn thông tin; dịch vụ an ninh trật tự của đô thị; dịch vụ giám sát thông tin trên môi trường mạng; dịch vụ giám sát, điều hành giao thông; dịch vụ phản ánh hiện trường; hệ thống giám sát dịch vụ công; Dashboard tổng hợp giám sát điều hành), định kỳ tổng hợp kết quả báo cáo các cấp kịp thời xử lý; phối hợp các đơn vị, khảo sát lắp đặt các màn hình trình diễn, thông tin tuyên truyền tại một số vị trí trọng điểm trên địa bàn thành phố. Ngoài ra, tiến hành khảo sát và lắp đặt màn hình trình diễn phục vụ thông tin, tuyên truyền tại Bộ phận 01 cửa của 03 đơn vị thị xã Hoài Nhơn, thị xã An Nhơn và huyện Tuy Phước; đồng thời, khảo sát vị trí, phương án lắp đặt trụ gắn camera kiểm soát vào/ra trên địa bàn tỉnh phục vụ xây dựng Trung tâm Giám sát đô thị thông minh giai đoạn 3.

- Thực hiện Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 21/3/2022 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã chuẩn bị hạ tầng để kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư khi có yêu cầu; đồng thời, bố trí cán bộ phối hợp với Công an tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra, đánh giá an ninh mạng, an toàn thông tin các hệ thống thông tin của tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công an đảm bảo cho việc triển khai kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

² Hiện nay, tỉnh đã triển khai cho 725 đơn vị sử dụng, gồm: Hội đồng nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và các đơn vị trực thuộc, 100% UBND huyện, thị xã, thành phố và các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc cấp huyện và UBND xã, phường, thị trấn. Số lượng văn bản gửi, nhận điện tử qua hệ thống Quản lý văn bản tỉnh: Trong năm 2022 số văn bản gửi đi 218.881 văn bản; số văn bản nhận 687.052 văn bản; Số lượng văn bản gửi, nhận điện tử qua trực liên thông văn bản quốc gia: Số văn bản gửi liên thông: 30.127 văn bản, số văn bản nhận liên thông: 166.632 văn bản. Sở tiếp tục phối hợp Ban Cơ yếu Chính phủ cấp chữ ký số chuyên dùng cho cá nhân và tổ chức, sim PKI cho các cá nhân theo quy định. Đến nay đã phối hợp cấp chữ ký số chuyên dùng cho 711 tổ chức và 3.747 cá nhân CBCCVC trên địa bàn tỉnh.

- Về triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng: đến thời điểm 31/8/2022 cả tỉnh có 11/11 huyện, thị xã, thành phố đã có Văn bản/Kế hoạch triển khai trên địa bàn. Qua đó, có 159/159 xã, phường, thị trấn đã thực hiện và thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng tại 1116 thôn/xóm với 4353 người tham gia.

- Về hỗ trợ thúc đẩy chuyển đổi số các ngành: Sở Thông tin và Truyền thông đã triển khai thực hiện ký kết với Tỉnh đoàn “Chương trình phối hợp về phối hợp hoạt động về thúc đẩy triển khai chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026”; phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ký kết Quy chế phối hợp về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thúc đẩy chuyển đổi số trong ngành Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định; hỗ trợ Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp, Sở Tài chính triển khai dịch vụ công trực tuyến đối với các TTHC, kết nối CSDL qua LGSP của tỉnh; phối hợp, hỗ trợ Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; phối hợp, hỗ trợ Sở Y tế kế hoạch chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế....

- Về công tác an toàn thông tin mạng tiếp tục duy trì và chú trọng thực hiện. Trong kỳ, đã tổ chức 05 cuộc Diễn tập thực chiến và ứng cứu sự cố an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh Bình Định năm 2022; ban hành Nội quy về diễn tập thực chiến, phối hợp Công ty TNHH Hệ thống Thông tin FPT – FPT IS hỗ trợ 03 chuyên gia tham gia Đội tấn công hệ thống theo kịch bản của Ban Tổ chức Diễn tập; thực hiện cập nhật danh sách thư rác (spam mail) và IP rác (IP spam) trên hệ thống thư điện tử công vụ; khóa các tài khoản bị tấn công phát tán thư rác ra môi trường Internet; ngăn chặn các cuộc tấn công từ Internet vào hệ thống. Tiếp tục cảnh báo lỗ hổng trên môi trường mạng và báo cáo kết quả thực hiện công tác triển khai bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp trên địa bàn tỉnh.

III. BÁO CÁO SỐ 37/BC-DT NGÀY 02/12/2021 CỦA BAN DÂN TỘC HĐND TỈNH VỀ “TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CÁN BỘ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TỪ NĂM 2018-2020”.

1. Cụ thể hóa và triển khai thực hiện các văn bản của Trung ương liên quan đến công tác dân tộc và thực hiện các chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức là người DTTS theo Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc trong tình hình mới, Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, Nghị định 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021 - 2030...

Kết quả triển khai thực hiện:

a) Thực hiện các chính sách đối với đội ngũ cán bộ, công chức là người dân tộc thiểu số theo Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện nghị quyết số 24 -NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa ix) về công tác dân tộc trong tình hình mới

- Thực hiện chính sách cử tuyển theo Nghị định 134/2006/NĐ-CP và Nghị định số 49/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ nay là Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ. Hàng năm, căn cứ hướng dẫn và phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh theo chế độ cử tuyển của Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ đã triển khai đến UBND các huyện, thị xã, thành phố đề nghị rà soát yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, chỉ tiêu biên chế công chức, viên chức và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh theo chế độ cử tuyển kịp thời, đúng đối tượng. Bố trí việc làm cho sinh viên cử tuyển theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT; Khoản 2 Điều 6 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BNV-UBND ngày 11/9/2014 của Bộ Nội vụ và Ủy ban Dân tộc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành chính sách cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số quy định tại Điều 11 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc, Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 4960/QĐ-UBND của UBND tỉnh quy định đối tượng xét tuyển đặc cách viên chức là “người dân tộc thiểu số tốt nghiệp đại học thuộc diện cử tuyển”. Kết quả đã bố trí công tác cho 47 sinh viên tốt nghiệp đại học theo chế độ cử tuyển về công tác theo nhu cầu sử dụng tại các địa phương;

- Quán triệt Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, xác định việc đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho cán bộ, công chức, đặc biệt đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện, xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi là một trong những nhiệm vụ quan trọng và yêu cầu bắt buộc, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức hiểu biết tiếng dân tộc tại địa phương để giao tiếp và sử dụng trong công tác; thực hiện công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua đó, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại các vùng miền núi của tỉnh; trong thời gian (2016 - 2019), đã tổ chức 05 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số cho 223 học viên là cán bộ, công chức, viên chức người Kinh đang công tác tại các vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh:

- Năm 2016, tổ chức 01 lớp bồi dưỡng tiếng Bana/52 học viên tại huyện Vĩnh Thạnh;

- Năm 2017, tổ chức 01 lớp bồi dưỡng tiếng H'rê/50 học viên tại huyện An Lão)

- Năm 2018, tổ chức 02 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc cho 81 học viên, trong đó: 01 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc Chăm cho cán bộ, công chức tại huyện Vân Canh (29 cán bộ, viên chức cấp huyện và 21 cán bộ cấp xã); 01 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc Bana cho 31 cán bộ, công chức cấp xã tại huyện Tây Sơn.

- Năm 2019, tổ chức 01 lớp bồi dưỡng tiếng dân tộc H'rê cho 40 cán bộ, công chức cấp xã tại huyện An Lão.

b) Triển khai Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/11/2021 của thủ tướng chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giai đoạn 2021-2030

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của Chính phủ và các bộ, ngành; UBND tỉnh đã

ban hành các văn bản để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là *Chương trình*), gồm:

- Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 ban hành Quy định định mức giao đất ở, định mức bình quân đất sản xuất để thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 64/2022/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 ban hành Quy định cơ chế huy động nguồn lực và lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 1877/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025;

- Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 26/8/2022 ban hành Kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 3148/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Nội dung số 3 thuộc Tiểu Dự án 2 của Dự án 3: Thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 3257/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 9: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 30/8/2022 ban hành Kế hoạch triển khai công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh năm 2022;

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 28/9/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Dự án 8 “Thực hiện Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 ban hành Kế hoạch thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển

kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 24/8/2022 về việc tăng cường triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh;

- Công văn số 4611/UBND-TH ngày 12/8/2022 về việc giao nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Ủy ban Dân tộc;

- Thông báo số 239/TB-UBND ngày 28/9/2022 thông báo ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Tuấn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 tại cuộc họp nghe báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia thời gian qua và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thời gian tới.

Ngoài ra, Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 đã ban hành các văn bản, gồm:

- Quyết định số 185/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 29/7/2022 về việc ban hành Quy chế hoạt động Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 186/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 02/8/2022 về việc thành lập Tổ giúp việc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 201/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 23/8/2022 về việc điều chỉnh, bổ sung thành viên Tổ giúp việc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025.

c) Triển khai Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc

Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về công tác dân tộc ban hành là văn bản pháp lý quan trọng, thuận lợi cho công tác dân tộc. Trong những năm qua Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo về công tác dân tộc; ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện các chính sách dân tộc và các chính sách khác trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 đến nay, kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh có bước phát triển đáng kể;

Trên cơ sở Nghị định số 05/2011/NĐ-CP của Chính phủ về Công tác dân tộc, UBND tỉnh đã bám sát các nhiệm vụ và các chính sách chỉ đạo các sở, ngành và UBND các huyện có liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản triển khai thực hiện đảm bảo hiệu lực, hiệu quả:

- Công tác chỉ đạo, điều hành được thực hiện thường xuyên, đảm bảo đồng bộ, chặt chẽ từ khâu phân bổ và giao chỉ tiêu kế hoạch chương trình đảm bảo nguyên tắc Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ; Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 và Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện tốt việc phân cấp quyết định đầu tư cho cấp huyện phê duyệt, cấp xã tổ chức thực hiện. Bên cạnh đó, huy động nguồn đóng góp, đối ứng kinh phí từ cộng đồng và địa phương để đảm bảo việc sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước hỗ trợ

được hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát trong quá trình thực hiện;

- Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh và Quyết định số 32/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh về Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 11/12/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình 30a và Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 79/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 20/4/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định về phân công quản lý nhà nước và vai trò, trách nhiệm của người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Quyết định số 1782/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2018 - 2025”;

- Quyết định số 3384/QĐ-UBND ngày 30/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 – 2020” trên địa bàn tỉnh Bình Định;

- Kế hoạch số 65/ KH-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới.

2. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24 NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa IX) về “Công tác dân tộc” trên địa bàn tỉnh.

Kết quả triển khai thực hiện:

Thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới (viết tắt là Chỉ thị số 59-CT/TU), UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 65/KH-UBND ngày 27/8/2020 về việc thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TU ngày 19/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc trong tình hình mới, giai đoạn 2020 – 2030. Trong đó:

a) Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- Phân đầu mức thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 2 lần so

với cuối năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm giảm từ 3 - 4%;

- Giữ vững 100% xã có đường ô tô được nhựa hóa, bê tông hóa đến trung tâm xã; trên 95% đường ở thôn được bê tông hóa, cứng hóa theo cấp kỹ thuật của Bộ Giao thông vận tải; 100% số trường lớp học và trạm y tế được xây dựng kiên cố; phấn đấu trên 99% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 100% đồng bào dân tộc thiểu số được xem truyền hình và nghe đài phát thanh;

- Quy hoạch, sắp xếp, di dời, bố trí 80% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, đầu nguồn, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Giải quyết 100% nhu cầu tối thiểu đất ở, đất sản xuất của các hộ DTTS, hộ nghèo, cận nghèo; xóa nhà tạm, dột nát cho 100% số hộ DTTS nghèo;

- Phấn đấu tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 5 tuổi đến trường đạt 100%; học sinh trong độ tuổi học tiểu học đạt 100%, học sinh trung học cơ sở trên 95%, học sinh trung học phổ thông trên 60%; người từ 15 tuổi trở lên đọc thông, viết thạo tiếng phổ thông trên 90%;

- 100% Trạm y tế xã đạt chuẩn quốc gia về y tế; giữ vững 100% xã đã đạt tiêu chí quốc gia về y tế trong giai đoạn 2011-2020 và tiếp tục nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân; 100% xã có bác sỹ; 100% trạm y tế xã đủ điều kiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế. Trên 97% phụ nữ có thai được khám thai định kỳ, sinh con ở cơ sở y tế hoặc có sự trợ giúp của cán bộ y tế; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thể nhẹ cân xuống dưới 10%;

- 50% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số;

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; phấn đấu 100% thôn, làng có nhà sinh hoạt cộng đồng; 50% thôn, làng có đội văn hóa, văn nghệ (câu lạc bộ) truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng;

- Đào tạo, quy hoạch, xây dựng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số, nhất là cán bộ dân tộc thiểu số tại chỗ. Bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số phù hợp với tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số ở từng địa phương;

- Công tác an ninh, quốc phòng vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục được củng cố và giữ vững trong tình hình mới.

b) Định hướng mục tiêu đến năm 2030

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 bình quân chung của cả nước; giảm hộ nghèo bình quân mỗi năm từ 3 - 4%. Cơ bản không còn các xã, thôn đặc biệt khó khăn; 70% số xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn nông thôn mới;

- Chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ. Đến năm 2030 có 40% lao động người dân tộc thiểu số biết làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ;

- Phần đầu có 80% số hộ dân tộc thiểu số làm kinh tế nông – lâm nghiệp hàng hóa; xóa tình trạng nhà ở tạm, dột nát; ngăn chặn tình trạng suy thoái môi trường sinh thái; duy trì, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng;

- Trên 85% số xã, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có đủ cơ sở hạ tầng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của người dân; quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân tộc thiểu số đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở;

- Cơ bản hoàn thành chỉ tiêu đã đề ra trong Chương trình Mục tiêu quốc gia về phát triển bền vững đến năm 2030.

c) Ngày 25/9/2020, Ban Dân tộc đã ban hành Văn bản số 593/BDT-VP ngày 25/9/2020 về việc hướng dẫn thực hiện Kế hoạch số 65/KH-UBND của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 59-CT-TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XIX) với các nội dung sau:

- Đối với các Sở, ban, ngành liên quan ở tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động tham mưu, triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này đảm bảo theo đúng quy định; lồng ghép các dự án phát triển của ngành, chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác với các nhiệm vụ, đề án liên quan đến công tác dân tộc để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các chương trình, chính sách, đề án, nhiệm vụ cho phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch;

- Đối với UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch và tình hình thực tế tại địa phương xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại địa phương mình; tổ chức và huy động các nguồn lực, lồng ghép các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển kinh tế - xã hội khác trên địa bàn để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả, tránh chồng chéo, lãng phí.

3. Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án “phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới” và xây dựng chính sách đặc thù trong phạm vi thẩm quyền để nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số (theo quy định tại điểm a và b, khoản 7. Mục IV của Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Kết quả triển khai thực hiện:

Tiếp thu kiến nghị của Ban Dân tộc HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu đề xuất UBND tỉnh ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong thời kỳ mới” và xây dựng chính sách đặc thù trong phạm vi thẩm quyền để nâng cao chất lượng, số lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số theo Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 14/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Giao Sở Nội vụ khẩn trương triển khai thực hiện, báo cáo UBND tỉnh trong tháng 1 năm 2023.

4. Theo dõi, đôn đốc các địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Đề án vị trí việc làm phải gắn với vị trí việc làm là người DTTS theo quy định tại

điểm c, mục 2, điều 3 của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Kết quả triển khai thực hiện:

Hiện nay, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm và ngạch công chức tối thiểu tương ứng với từng vị trí việc làm cho 22/22 sở, ban, ngành và 11/11 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (*trong đó: Ban Dân tộc có vị trí theo dõi thực hiện chính sách dân tộc; 03 huyện: Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão: có vị trí theo dõi công tác dân tộc (nếu có nhiều đồng bào dân tộc)*); đồng thời phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm theo danh mục đã được phê duyệt. Đội ngũ công chức, viên chức được tuyển dụng, bổ nhiệm cơ bản bảo đảm theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức tối thiểu được phê duyệt.

Thời gian tới, UBND tỉnh giao Sở Nội vụ tiếp tục phối hợp với các cơ quan, địa phương có nhu cầu tuyển dụng công chức ở vị trí việc làm cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số phải xác định rõ chỉ tiêu, cơ cấu dân tộc cần tuyển trình cấp thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện.

5. Có quy định hướng dẫn cụ thể việc thực hiện chính sách cử tuyển gắn với bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp đối với con em đồng bào DTTS trong một số ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của địa phương, cơ sở (theo Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy).

Kết quả triển khai thực hiện:

Hiện nay chính sách cử tuyển đối với con em đồng bào dân tộc thiểu số được quy định tại Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 08/12/2020 của Chính phủ quy định chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số.

Thực hiện Chương trình hành động số 07-CTr/TU ngày 14/5/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XX Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh Bình Định giai đoạn 2020 - 2025; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 Quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tỉnh giai đoạn 2022 - 2025 nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong một số ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

IV. BÁO CÁO SỐ 132/BC-PC NGÀY 30/11/2021 CỦA BAN PHÁP CHẾ HĐND TỈNH VỀ “TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIAI ĐOẠN 2018 - 2020”.

1. Phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong chỉ đạo, kiểm tra, giám sát đối với các trường đại học, cao đẳng trong việc thực hiện di chuyển NVQS. Chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, nhà máy, xí nghiệp, chủ lao động trên địa bàn tỉnh tạo điều kiện đối với công dân đang làm việc tại doanh nghiệp lên đường nhập ngũ và cam kết được trở lại làm việc khi hết nghĩa vụ quân sự.

Kết quả triển khai thực hiện:

UBND tỉnh đã yêu cầu các trường Đại học, Cao đẳng trên địa bàn tỉnh thực hiện tốt công tác đăng ký di chuyển nghĩa vụ quân sự, hàng năm các trường đã cung cấp danh sách sinh viên đang học tại trường và kịp thời thông báo số sinh viên bị đuổi học, tự

nghi học cho các địa phương để bảo đảm xét duyệt chính trị, chính sách, thực hiện tạm hoãn nghĩa vụ quân sự cho đối tượng sinh viên đúng quy định.

Bên cạnh đó, đã chỉ đạo các địa phương, các cơ quan, tổ chức, nhà máy, xí nghiệp, chủ lao động trên địa bàn tỉnh đã tạo điều kiện tiếp nhận quân nhân xuất ngũ vào làm việc tại các doanh nghiệp. Nhiều quân nhân khi xuất ngũ về địa phương được ưu tiên bố trí việc làm phù hợp và phát triển trong các cơ quan nhà nước, nhất là những đồng chí được kết nạp Đảng trong quân đội. Tuy nhiên, đối với các doanh nghiệp tư nhân việc tạo điều kiện cho công dân đang làm việc thực hiện nghĩa vụ quân sự cũng như bố trí lại công việc làm cho quân nhân sau khi xuất ngũ còn gặp nhiều khó khăn. Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo vấn đề này, để bảo đảm quyền lợi của mọi công dân trước và sau khi thực hiện nghĩa vụ quân sự, cũng như không ảnh hưởng đến các doanh nghiệp.

2. Nâng cao chính sách đãi ngộ đối với công dân thực hiện NVQS, nhất là chính sách học nghề, ưu tiên việc làm cho quân nhân hoàn thành nghĩa vụ trở về địa phương; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

Kết quả triển khai thực hiện:

Bộ CHQS tỉnh đã triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và quỹ quốc gia về việc làm, trong đó có chế độ trợ cấp học nghề, tạo việc làm đối với bộ đội xuất ngũ; trước khi xuất ngũ được các trường dạy nghề tư vấn học nghề, khi xuất ngũ mỗi quân nhân được nhận 01 thẻ học nghề trị giá 17.880.000 đồng (*sử dụng trong 12 tháng kể từ ngày cấp thẻ*).

Đối với công tác chính sách hậu phương quân đội, hằng năm Tỉnh ủy, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể địa phương chăm lo công tác chính sách hậu phương quân đội, cử cán bộ, hội viên đến từng gia đình có con em nhập ngũ động viên, thăm hỏi, tặng quà thanh niên trước khi lên đường nhập ngũ, thanh niên nhập ngũ có hoàn cảnh khó khăn (trong năm 2022 tặng quà trị giá hơn 2 tỷ đồng).

3. Tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn BCHQS các xã, phường, thị trấn trong thực hiện nhiệm vụ QS – QP; phối hợp với chính quyền cấp xã trong xử lý vi phạm Luật NVQS. Xem xét bố trí thời gian đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu hợp lý (có thể vào ngày nghỉ) để tạo điều kiện thuận lợi cho các công dân đang theo học tại các trường THPT. Chỉ đạo BCHQS cấp xã tăng cường thực hiện việc điều tra, xác minh và đề xuất xử lý kiên quyết, kịp thời số công dân trong độ tuổi trốn tránh không thực hiện Luật NVQS.

Kết quả triển khai thực hiện:

- Hằng năm, Bộ CHQS tỉnh tiến hành tổ chức tập huấn cho cán bộ Ban CHQS cấp xã về nội dung, chương trình công tác quân sự, quốc phòng (thành phần gồm: Chỉ huy trưởng, Chính trị viên, Phó Chỉ huy trưởng, Chính trị viên phó). Đồng thời Bộ CHQS tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn công tác chuyên môn, nghiệp vụ cho Ban CHQS cấp xã; tổ chức kiểm tra theo định kỳ và đột xuất, qua đó từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, sự phối hợp giữa các ngành trong công tác làm tham mưu cho cấp ủy,

chính quyền địa phương trong thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng và tham gia phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. Đối với công tác phối hợp giữa các ngành trong xử lý vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự, Bộ CHQS tỉnh đã tham mưu Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh chỉ đạo Hội đồng Nghĩa vụ quân sự cấp huyện tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về quy trình xử lý, thủ tục hồ sơ... bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; các địa phương kiên quyết, xử lý dứt điểm các trường hợp vi phạm, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc chấp hành Luật Nghĩa vụ quân sự.

- Đối với công tác đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu cho công dân nam đủ 17 tuổi trong năm: "Theo Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự" quy định cấp xã tổ chức thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu, thành phần tổ đăng ký gồm: Cơ quan Quân sự, cơ quan Y tế của cấp xã. Nếu tổ chức đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu vào ngày nghỉ thì kinh phí bảo đảm chi trả cho cán bộ Y tế gặp khó khăn, nên các địa phương chưa thực hiện được.

- Bộ CHQS tỉnh cũng đã chỉ đạo Ban CHQS các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo Ban CHQS cấp xã tham mưu xử lý kiên quyết, kịp thời số công dân vi phạm Luật Nghĩa vụ quân sự theo đúng Nghị định số 120/2013/NĐ-CP, Nghị định số 37/2022/NĐ-CP, Bộ Luật Hình sự năm 2015 và được sửa đổi bổ sung năm 2017, nhằm tạo sức răn đe, tạo sự công bằng xã hội và đưa công tác tuyển quân hằng năm đi vào nề nếp.

4. Chỉ đạo xử lý nghiêm các vi phạm trong công tác tuyển quân, chú trọng xử lý nghiêm túc, triệt để, đến cùng các trường hợp trốn, chống lệnh gọi nhập ngũ. Gắn trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền, trách nhiệm người đứng đầu trong quá trình xử lý vi phạm và đảm bảo chỉ tiêu giao quân của các địa phương trong huyện.

Kết quả triển khai thực hiện:

Nội dung này, trong thời gian qua UBND tỉnh, Hội đồng Nghĩa vụ quân sự tỉnh ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân. Trong đó, UBND tỉnh đã giao Công an tỉnh chủ trì phối hợp với cơ quan chức năng hướng dẫn xử lý nghiêm khắc các trường hợp cản trở, trốn, tránh thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự. Đối với các huyện, thị xã, thành phố đã tập trung quán triệt sâu sắc chủ trương, nhiệm vụ tuyển quân; gắn trách nhiệm tuyển quân với từng thành viên trong Hội đồng Nghĩa vụ quân sự ở cấp huyện, xã. Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đúng Nghị định số 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; Nghị định số 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; Bộ Luật Hình sự năm 2015 và được sửa đổi bổ sung năm 2017. Nhờ vậy, trong những năm qua các địa phương thực hiện đúng quy trình các bước tuyển quân, bảo đảm đúng nguyên tắc, tổ chức nghiêm túc công khai theo đúng quy định bảo đảm giao quân đạt 100% chỉ tiêu.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền cho nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của nhiệm vụ quốc phòng ở địa phương. Nâng cao ý thức trách nhiệm của công dân và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Tập trung quán triệt, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả Luật NVQS; các văn bản chỉ đạo về công tác tuyển quân của Chính

phủ, Bộ Quốc phòng, Quân khu và của UBND, HĐND, HĐNVQS các cấp. Nâng cao vai trò của các tổ chức quần chúng; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, gắn trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyển quân.

Kết quả triển khai thực hiện:

UBND tỉnh đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương thực hiện tốt công tác tuyên truyền Luật Quốc phòng, các Nghị định của Chính phủ về xây dựng khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự trong nhân dân, trong đó tập trung tuyên truyền và triển khai thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự và các văn bản của Chính phủ, các Bộ, ngành có liên quan. Bộ CHQS tỉnh đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương tổ chức quán triệt sâu rộng Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015; Thông tư liên tịch số 16/2016/TTLT-BYT-BQP ngày 30/6/2016 liên Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng quy định việc khám sức khỏe thực hiện NVQS, Thông tư 148/2018/TT-BQP ngày 04/10/2018 của Bộ Quốc phòng quy định tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ..., trong đội ngũ cán bộ, nhân viên và quần chúng nhân dân, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong thực hiện công tác xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bên cạnh đó, các huyện, thị xã, thành phố đã phát huy tốt vai trò trách nhiệm của các tổ chức quần chúng; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và gắn trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuyển quân. Kết quả giao quân trong những năm qua đều đạt 100% chỉ tiêu, chất lượng giao quân năm sau luôn cao hơn năm trước./.